

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin
đối với sinh viên, học viên Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 23/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 24/7/2023 của Hội đồng Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 28/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;



Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về Khung năng lực số cho người học;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3342/QĐ-DCT ngày 05/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 3344/QĐ-DCT ngày 05/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 4959/QĐ-DCT ngày 10/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh nội dung một số điều trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Quản lý Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin đối với sinh viên, học viên Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (Quy định đính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*uo*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT, QLSDH.



PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

QUY ĐỊNH

Về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin đối với sinh viên, học viên
Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành theo Quyết định số 39 /QĐ-DCT, ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin khi tốt nghiệp đối với sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học và học viên thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với sinh viên thuộc chương trình chuẩn quốc tế, chương trình liên kết quốc tế, chương trình việc làm Nhật Bản, Nhà trường ban hành quy định riêng để bảo đảm đạt chuẩn đầu ra của từng chương trình.

Chương 2 CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Điều 2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với trình độ đại học

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành, sinh viên theo học các ngành đào tạo trình độ đại học phải đạt yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ được quy định như sau:

1. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

Ngoại ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	Chứng chỉ tiếng Anh (VSTEP)	Bậc 5/6 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam)
	CEFR	C1 trở lên
	IELTS	6.5 trở lên

2. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

Ngoại ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 5 trở lên

3. Đối với sinh viên các ngành còn lại

Ngoại ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	Chứng chỉ tiếng Anh (VSTEP)	Bậc 3/6 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) hoặc Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương do Trường Đại học Công Thương TP. HCM cấp.
	CEFR	B1 trở lên
	IELTS	4.0 trở lên
	TOEFL iBT	30 trở lên
	TOEFL ITP	450 trở lên
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 trở lên
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 trở lên Đọc: 275 trở lên Nói: 120 trở lên Viết: 120 trở lên
	Aptis ESOL International Certificate	B1 trở lên
	PTE Academic	43 trở lên
Tiếng Pháp	TCF	300 trở lên
	DELF	B1 trở lên
Tiếng Đức	Goethe-Zertifikat	B1 trở lên
	TestDaF	Bậc 3 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3 trở lên
Tiếng Nhật	JLPT	N4 trở lên
Tiếng Nga	ТПКИ	ТПКИ-1
Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK 3
Tiếng Tây Ban Nha	DELE	B1

Lưu ý: Chứng chỉ VSTEP phải được cấp bởi Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Phụ lục I.

Điều 3. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với trình độ thạc sĩ

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo sau đại học hiện hành, học viên theo học các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (trừ ngành Ngôn ngữ Anh) phải đạt yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ được quy định như sau:

1. Học viên được lựa chọn một trong sáu ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật để làm chuẩn đầu ra ngoại ngữ. Ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngoại ngữ với đầu vào.

2. Học viên phải có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ sau để được công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là ngoại ngữ thuộc Khoản 1 Điều này.

- Chứng chỉ/Văn bằng trong bảng dưới đây:

Ngoại ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	Chứng chỉ tiếng Anh (VSTEP)	Bậc 4/6 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam)
	CEFR	B2 trở lên
	IELTS	5.5 trở lên
	TOEFL iBT	46 trở lên
	TOEFL ITP	500 trở lên
	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 trở lên
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400 trở lên Đọc: 385 trở lên Nói: 160 trở lên Viết: 150 trở lên
	Aptis ESOL International Certificate	B2 trở lên
	PTE Academic	59 trở lên
Tiếng Pháp	TCF	400 trở lên
	DELFI	B2 trở lên
Tiếng Đức	Goethe-Zertifikat	B2 trở lên
	TestDaF	Bậc 4 trở lên

Ngoại ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 4 trở lên
Tiếng Nhật	JLPT	N3 trở lên
Tiếng Nga	TPKI	TPKI-2 trở lên

Lưu ý:

+ Chứng chỉ VSTEP phải được cấp bởi Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Phụ lục I.

+ Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế chỉ được công nhận khi còn hiệu lực trong thời hạn theo quy định tính đến thời điểm xét công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ; đồng thời, học viên tham dự kỳ thi phải thực hiện đầy đủ 04 kỹ năng theo hình thức thi trực tiếp.

Chương 3

CHUẨN ĐẦU RA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 4. Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin đối với trình độ đại học

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành, sinh viên theo học các ngành đào tạo trình độ đại học (trừ ngành Khoa học dữ liệu và các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin) phải đạt yêu cầu chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này.

1. Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.
2. Chứng nhận kỹ năng số **hoặc** chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao.

Lưu ý:

+ Các chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin phải được cấp bởi Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các đơn vị tổ chức thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Phụ lục II.

+ Chứng nhận kỹ năng số do Viện Chuyển đổi số - Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho sinh viên các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2026 và học viên tất cả các khóa tuyển sinh trình độ thạc sĩ.
2. Đối với các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2025 trở về trước, sinh viên được lựa chọn xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định này hoặc theo quy định đã được ban hành áp dụng cho khóa đào tạo tương ứng.

Điều 6. Xét đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra

Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp ít nhất 15 ngày, sinh viên/học viên có chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ công nghệ thông tin được cấp bởi các đơn vị hợp pháp khác cần nộp bản sao và xuất trình bản chính (để đối chiếu) cho phòng Đào tạo/ phòng Quản lý Sau đại học để bổ sung vào hồ sơ trình Hội đồng xét tốt nghiệp. Sinh viên/học viên có chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh VSTEP, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao và chứng nhận kỹ năng số do Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì không cần phải nộp bản sao để đối chiếu, Nhà trường sẽ tự cập nhật sau khi có kết quả thi các loại chứng chỉ, chứng nhận này.



Chương 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Sau đại học phối hợp với các Khoa/Trung tâm đào tạo có liên quan thông báo đến sinh viên, học viên toàn Trường để biết và thực hiện quy định này.
2. Phòng Công tác Sinh viên và cố vấn học tập tổ chức phổ biến rộng rãi quy định này đến sinh viên, học viên.
3. Trung tâm Công nghệ thông tin tổ chức các lớp học, ôn và thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định hiện hành, đáp ứng Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 28/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Viện chuyển đổi số tổ chức các lớp học, ôn và thi chứng nhận kỹ năng số theo quy định hiện hành, đáp ứng Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định về khung năng lực số cho người học.

Chương 6

HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hiệu trưởng xem xét bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy định này cho phù hợp 

 **HIỆU TRƯỞNG**


PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Ban hành theo Quyết định số 550 /QĐ-DCT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
2	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
5	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
6	Đại học Thái Nguyên
7	Đại học Cần Thơ
8	Trường Đại học Hà Nội
9	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
10	Trường Đại học Vinh
11	Trường Đại học Sài Gòn
12	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
13	Đại học Trà Vinh
14	Trường Đại học Văn Lang
15	Trường Đại học Quy Nhơn
16	Trường Đại học Tây Nguyên
17	Học viện An ninh Nhân dân
18	Học viện Báo chí Tuyên truyền
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

STT	Tên đơn vị
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Đại học Kinh tế quốc dân
29	Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
36	Trường ĐH Thành Đông
37	Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng

Danh sách này có **38** đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
CHỨNG CHỈ ĐUNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số 101/QĐ-DCT ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Các cơ sở giáo dục đại học

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng
3	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
4	Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
5	Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn - Đại học Đà Nẵng
6	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
7	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
8	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế
9	Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
10	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
11	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
13	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
14	Trung tâm số - Đại học Thái Nguyên
15	Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên
16	Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên
17	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
18	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
19	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
20	Học viện An ninh nhân dân
21	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
22	Học viện Cảnh sát nhân dân
23	Học viện Chính trị Công an nhân dân

STT	Tên đơn vị
24	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông
25	Học viện Hải quân
26	Học viện Hàng không Việt Nam
27	Học viện Kỹ thuật quân sự
28	Học viện Ngân hàng
29	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
30	Học viện Tài chính
31	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam
32	Trường Đại học An ninh nhân dân
33	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
34	Trường Đại học Bạc Liêu
35	Trường Đại học Bình Dương
36	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân
37	Đại học Cần Thơ
38	Trường Đại học Chu Văn An
39	Trường Đại học Công đoàn
40	Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải
41	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
42	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
43	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
44	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị
45	Đại học Công nghiệp Hà Nội
46	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
47	Trường Đại học Công nghiệp Vinh
48	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung
49	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
50	Trường Đại học Cửu Long
51	Đại học Duy Tân
52	Trường Đại học Đà Lạt
53	Trường Đại học Điện lực
54	Trường Đại học Đồng Tháp
55	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

h2

STT	Tên đơn vị
56	Đại học Phenikaa
57	Trường Đại học Hà Tĩnh
58	Trường Đại học Hạ Long
59	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
60	Trường Đại học Hải Dương
61	Trường Đại học Hoa Lư
62	Trường Đại học Hòa Bình
63	Trường Đại học Hồng Đức
64	Trường Đại học Hùng Vương
65	Trường Đại học Khánh Hòa
66	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội
67	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
68	Trường Đại học Kiên Giang
69	Trường Đại học Kinh Bắc
70	Trường Đại học Kinh tế công nghiệp Long An
71	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp
72	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
73	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
74	Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ Cần Thơ
75	Trường Đại học Kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân
76	Trường Đại học Lạc Hồng
77	Trường Đại học Lâm nghiệp
78	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
79	Trường Đại học Mở - Địa chất
80	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
81	Trường Đại học Nam Cần Thơ
82	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
83	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
84	Trường Đại học Ngoại thương
85	Trường Đại học Nguyễn Trãi
86	Trường Đại học Nha Trang
87	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang



STT	Tên đơn vị
88	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
89	Trường Đại học Phan Thiết
90	Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy
91	Trường Đại học Phú Xuân
92	Trường Đại học Phú Yên
93	Trường Đại học Quang Trung
94	Trường Đại học Quảng Bình
95	Trường Đại học Quảng Nam
96	Trường Đại học Quy Nhơn
97	Trường Đại học Sài Gòn
98	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
99	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
100	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định
101	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
102	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long
103	Trường Đại học Tài chính - Marketing
104	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
105	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
106	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
107	Trường Đại học Tân Trào
108	Trường Đại học Thành Đông
109	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
110	Trường Đại học Tây Bắc
111	Trường Đại học Tây Đô
112	Trường Đại học Tây Nguyên
113	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
114	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
115	Trường Đại học Thái Bình
116	Trường Đại học Thông tin liên lạc
117	Trường Đại học Thủ Dầu Một
118	Trường Đại học Tiền Giang
119	Trường Đại học Tôn Đức Thắng

STT	Tên đơn vị
120	Đại học Trà Vinh
121	Trường Đại học Trung Vương
122	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
123	Trường Đại học Văn Hiến
124	Trường Đại học Việt Bắc
125	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
126	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
127	Trường Đại học Yersin Đà Lạt
128	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
129	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
130	Trường Đại học Y Dược Thái Bình
131	Trường Đại học Y tế công cộng
132	Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông

2. Các Sở Giáo dục và Đào tạo có trung tâm sát hạch

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
1	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	1
2	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	1
3	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định	1
4	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau	1
5	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ	1
6	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng	2
7	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk	4
8	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông	2
9	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên	1
10	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	1
11	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	1
12	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	2
13	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	1
14	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	1
15	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	1
16	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	1

THƯỜNG

Handwritten signature

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
17	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum	1
18	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	1
19	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	1
20	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	1
21	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng	2
22	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An	1
23	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	1
24	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận	1
25	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	2
26	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	2
27	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên	1
28	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	4
29	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam	3
30	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi	1
31	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	1
32	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	1
33	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	1
34	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	1
35	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	2
36	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế	7
37	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang	1
38	Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh	1
39	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long	1
40	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	2
41	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	1